

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STC-HCSN

Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2021

Về việc tham gia ý kiến vào dự thảo quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 667/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Kính gửi: - Sở Tư pháp;
- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Sở Tài nguyên và môi trường;
- Sở Kế hoạch đầu tư;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh (Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử).

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Thực hiện Thông báo số 80/TB-UBND ngày 03/3/2021 về việc thông báo kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ô Pích tại buổi làm việc về một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày 02/3/2021.

Sở Tài chính xây dựng dự thảo quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 667/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

(Có dự thảo quyết định kèm theo)

Để hoàn thiện bản dự thảo trước khi báo cáo UBND tỉnh ban hành, đề nghị các cơ quan, UBND các huyện, thành phố tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo nêu trên. Văn bản đóng góp ý kiến gửi về Sở Tài chính trước ngày 24/5/2021 để tổng hợp báo cáo theo quy định.

Vậy, Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD (đ/c Linh).
- Lưu: VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thuỳ Linh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2021

DỰ THẢO 2

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 667/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng 02 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 667/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thu tiền bảo vệ,

phát triển đất trồng lúa và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 2 như sau:

“2. Thủ tục nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp: Thực hiện theo Khoản 3 Điều 1, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa”.

3. Tổ chức thu, nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa

a) Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp có trách nhiệm kê khai và nộp số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước giao, cho thuê đất theo quy định.

b) Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xác nhận (bằng văn bản) diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến người được nhà nước giao đất, cho thuê đất làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp đối với diện tích đất thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng;

Phòng Tài nguyên và môi trường các huyện thành phố xác nhận (bằng văn bản) diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến người được nhà nước giao đất, cho thuê đất làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp đối với diện tích đất thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng.

c) Giao Sở Tài chính căn cứ vào văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp và thông báo cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định.

Phòng Tài chính kế hoạch các huyện, thành phố căn cứ vào văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền của phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố, xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp và thông báo cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định.

d) Cơ quan Kho bạc nhà nước (Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện) có trách nhiệm thu và hoạch toán khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào tài khoản 7111; Mã cơ quan quản lý thu 1062753; Chương 418, Mục 4914 và thực hiện điều tiết 100% ngân sách tỉnh”.

2. Sửa đổi điểm d, đ khoản 2 Điều 3 như sau:

d) Hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa: Thực hiện theo Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ

nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông; Nghị quyết số 45/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Ban hành quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

đ) Hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính

a) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, căn cứ kế hoạch chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, dự kiến nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp và thông báo cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị liên quan tổng hợp, thẩm định, đề xuất nhiệm vụ, nội dung sử dụng nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất trồng lúa ngoài thực địa, lập bản đồ đất trồng lúa.

b) Hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành, đơn vị có liên quan thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất trồng lúa của các địa phương trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì thực hiện xây dựng các mô hình trình diễn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện lập phương án khai hoang, phục hóa, cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại, cải tạo các vùng đất chưa sử dụng, đất trồng lúa kém chất lượng, đất trồng trọt khác thành đất chuyên trồng lúa nước theo giai đoạn và từng năm;

b) Tổng hợp, đề xuất danh mục các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn do cấp tỉnh quản lý phục vụ tưới cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp được đầu tư từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa gửi Sở Tài chính thẩm định;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo các địa phương, đơn vị thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, tổng hợp kết quả thực hiện hàng năm của các địa phương, đơn vị, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định danh mục duy tu, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp được đầu tư từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Căn cứ vào đề nghị của phòng Tài nguyên và môi trường, xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến người được nhà nước giao đất, cho thuê đất đồng thời gửi Sở Tài chính làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp đối với diện tích đất thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Chỉ đạo phòng Tài nguyên và môi trường xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến người được nhà nước giao đất, cho thuê đất đồng thời gửi phòng Tài chính kế hoạch các huyện, thành phố làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp đối với diện tích đất thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân huyện quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Chỉ đạo phòng Tài chính kế hoạch xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp do phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận và thông báo cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định.

c) Quyết định giao đất, thực hiện thủ tục ký hợp đồng thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất đã nộp tiền sử dụng, bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo đúng quy định.

d) Hàng năm, trên cơ sở diện tích đất lúa, nội dung, nhiệm vụ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, đề xuất danh mục, nội dung, dự toán thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa gửi Sở Tài chính thẩm định. Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, thanh quyết toán hàng năm theo đúng quy định hiện hành.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 7 năm 2021, thay thế Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 3 tháng 3 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 667/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2016.

2. Giám đốc các Sở, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Cục Thuế tỉnh; Kho bạc Nhà nước tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- KBNN tỉnh, Cục thuế tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thế Tuấn

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-STC

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 667/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ;

Thực hiện Thông báo số 80/TB-UBND ngày 03/3/2021 về việc thông báo kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ô Pích tại buổi làm việc về một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày 02/3/2021.

Sở Tài chính trình UBND ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 667/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH

Ngày 21/11/2016 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 667/2016/QĐ-UBND Quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trên cơ sở Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016 của HĐND tỉnh và Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Ngày 11/7/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2019/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ, để kịp thời thực hiện Nghị định số 62/2019/NĐ-CP, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 3/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 667/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016.

Trong Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 3/3/2020 quy định: Sở Tài nguyên và môi trường là cơ quan xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến người được nhà nước giao đất, cho thuê đất, đồng thời gửi Sở Tài chính làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp. Theo quy định trên, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất lập bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa (có xác nhận của UBND cấp huyện) gửi đến Sở Tài nguyên và môi trường, trong thời gian 5 ngày làm việc (nếu hồ sơ hợp lệ), sở Tài nguyên và môi trường gửi văn bản xác nhận đến Sở Tài chính; trong thời gian 5 ngày làm việc (nếu hồ sơ hợp lệ) Sở Tài chính ban hành thông báo nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa.

Để rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tại Thông báo số 80/TB-UBND ngày 03/3/2021, Chủ tịch UBND tỉnh có giao nhiệm vụ cho Sở Tài chính tham mưu sửa đổi trình tự thực hiện việc thông báo nộp tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa tại Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 3/3/2020 của UBND tỉnh theo trình tự: UBND cấp huyện thẩm định, xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến Sở Tài chính làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp (không qua Sở Tài nguyên và môi trường).

Như vậy, cần phải sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND cho phù hợp. Đồng thời để thống nhất, thuận lợi trong tổ chức thực hiện. Sở Tài chính trình văn bản sửa đổi, bổ sung Quyết định số 667/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 trên cơ sở kế thừa các nội dung còn phù hợp và thay thế Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 3/3/2020 của UBND tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích: Làm cơ sở cho cơ quan, đơn vị tổ chức thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo đúng quy định.

2. Quan điểm: Đảm bảo các nguyên tắc, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL. Dự thảo quyết định được xây dựng phù hợp với quy định tại Nghị định số 62/2019/NĐ-CP và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Sở Tài chính đã thực hiện việc xây dựng quyết định đảm bảo trình tự theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục: Quyết định bố cục theo hình thức quy định trực tiếp gồm 02 Điều:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 667/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2: Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung của quyết định:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 như sau:

“3. Tổ chức thu, nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa

a) Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp có trách nhiệm kê khai và nộp số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được Nhà nước giao, cho thuê đất theo quy định.

b) Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xác nhận (bằng văn bản) diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến người được nhà nước giao đất, cho thuê đất làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp đối với diện tích đất thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng;

Phòng Tài nguyên và môi trường các huyện thành phố xác nhận (bằng văn bản) diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến người được nhà nước giao đất, cho thuê đất làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp đối với diện tích đất thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng.

c) Giao Sở Tài chính căn cứ vào văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp và thông báo cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định.

Phòng Tài chính kế hoạch các huyện, thành phố căn cứ vào văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền của phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố, xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp và thông báo cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định.

d) Cơ quan Kho bạc nhà nước (Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện) có trách nhiệm thu và hoạch toán khoản thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào tài khoản 7111; Mã cơ quan quản lý thu 1062753; Chương 418, Mục 4914 và thực hiện điều tiết 100% ngân sách tỉnh”.

* Lý do sửa: Giao UBND cấp huyện thẩm định, xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến Sở Tài chính làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp (không qua Sở Tài nguyên và môi trường).

2. Sửa đổi Điều 4:

* Lý do sửa: Do có sự thay đổi trong phân công nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thu, nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa:

- Quy định cơ quan xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước là UBND huyện và phòng Tài nguyên MT;

- Quy định cơ quan xác định số tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa là Sở Tài chính, phòng Tài chính kế hoạch;

Vì vậy, cần sửa đổi phân công lại nhiệm vụ cho các cơ quan tổ chức thực hiện thu, nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa cho phù hợp.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 667/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh quy định thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và quản lý, sử dụng kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Sở Tài chính trình UBND tỉnh.

(Gửi kèm theo Tờ trình này: (i) Dự thảo Quyết định; (ii) Bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; (iii) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (iv) Các tài liệu có liên quan)./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Lưu VT, HCSN.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Hiếu